

# **Chương 2: Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1930 đến 1945**

## **I. Tình hình kinh tế, xã hội và phong trào cách mạng VN nửa đầu những năm 1930**

### **1. Tình hình kinh tế nửa đầu những năm 1930**

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam vốn bị phụ thuộc vào kinh tế nước Pháp, nay phải gánh chịu hậu quả khủng hoảng ở “chính quốc” lại càng suy sụp hơn và bước vào thời kỳ suy thoái trầm trọng kéo dài. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã thi hành một loạt biện pháp kinh tế - tài chính. Chúng rút vốn đầu tư về các ngân hàng Pháp (năm 1930 rút 50 triệu Phơ-răng, 1931 rút hơn 100 triệu); dùng tiền Đông Dương trợ cấp cho các công ti tư bản đang có nguy cơ phá sản. Trong những năm 1930 – 1933, các chủ đồn điền được trợ cấp 90 triệu Phơ-răng. Chính quyền thực dân tăng cường các mức thuế và đặt thêm nhiều thứ thuế mới .

Về nông nghiệp: Giá lúa gạo bị sụt, Năm 1929, giá một tạ gạo hơn 11, 58 đồng , năm 1933 còn 3,3 đồng . Ruộng đất bị bỏ hoang, năm 1930 diện tích bỏ hoang là 200.000 ha, năm 1933 lên tới 500.000 ha, nhiều

nông dân bỏ làng ra thành thị hoặc đến các hầm mỏ kiếm việc làm. Nhưng ở các hầm mỏ, xí nghiệp, công nhân cũng bị thất nghiệp, những người đang có việc làm, lương cũng bị giảm .

Về công nghiệp: Hầu hết các ngành đều bị đình đốn, nhất là công nghiệp khai khoáng . Than xuất khẩu giảm mạnh.

Trong vòng hai năm ( 1930 – 1932, số lượng công nhân mỏ giảm từ 46.000 người xuống còn 33.700 người.

Về tài chính : Chính quyền thực dân Pháp, trong năm 1930, bắt phá giá đồng bạc Đông Dương để giảm nhẹ cuộc khủng hoảng tài chính, và từ ngày 14 – 12 – 1931, giảm hàm lượng bạc trong đồng bạc Đông Dương từ 27 gam xuống còn 20 gam . Với thủ đoạn này, trong hai năm 1932 – 1933, Ngân hàng Đông Dương lãi trên 76 triệu Phơ-răng. Đông Dương còn phải mua hàng công nghiệp Pháp với giá đắt hơn giá thị trường thế giới 15%. Do đó, hàng năm Đông Dương bị chính quốc bòn rút hơn 12 triệu đồng. Ngân sách Đông Dương còn phải chi cho bộ máy thống trị và góp vào quỹ nước Pháp, năm 1931 chi 77% và trả tiền vay nợ 3,5%.

Khủng hoảng kinh tế ở Đông Dương nặng hơn nhiều nước trong khu vực, như In-đô-nê-xia, Phi-lip-pin, Triều Tiên ... và thuộc vào loại bị khủng hoảng nặng nhất trong các thuộc địa của Pháp, chỉ sau Tây Phi.

Khủng hoảng kinh tế đã làm cho đời sống của đại bộ phận nhân dân điêu đứng, đời sống kinh tế, chính trị toàn xứ thuộc địa bị đảo lộn.

## **2. Tình hình xã hội nửa đầu những năm 1930**

Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 gây ra hậu quả lớn nhất về mặt xã hội cho các nước thuộc địa và phụ thuộc nói chung. Việt Nam nói riêng, làm tăng mức nghèo khổ của những người lao động .

Ở Việt Nam, một phần ba số công nhân bị thất nghiệp. Riêng miền Bắc 25.000 công nhân bị sa thải, trong đó có 12.000 công nhân ngành mỏ. Số còn lại tuy có việc làm nhưng lương bị cắt giảm từ 30% đến 50% .

Tháng 9 – 1931, nhà báo Pháp André Viollis viết: “ lương công nhân không bao giờ vượt quá từ 2 đến 2,5 Phơ-răng (tiền Pháp) mỗi ngày. Trong các xưởng dệt, ngày làm việc bắt đầu từ 7 giờ sáng đến 9 giờ tối; đàn ông, lương từ 1,75 Phơ-răng đến 2 Phơ-răng, đàn bà từ 1,25 đến 1,5 Phơ-răng, trẻ em từ 8 đến 10 tuổi được lĩnh 0,75 Phơ-răng. Tôi được biết ở các đồn điền và nói riêng là ở các đồn điền trồng cây cao su tại các vùng khí hậu rất xấu, công nhân phải làm việc từ 15 đến 16 giờ mỗi ngày, và được trả từ 1,2 đến 2,2 Phơ-răng mỗi ngày” .

Đời sống công nhân trong giai đoạn này, được phản ánh trong Hội nghị cán bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xứ Bắc kỳ họp từ ngày 17 đến 23 – 3 – 1930:

“Mấy năm gần đây, kinh tế khủng hoảng cứ kéo dài mãi, nhiều nhà máy bị đóng cửa, hàng ngàn thợ thuyền bị thất nghiệp, bị đuổi ra khỏi chỗ làm, không có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, mà không có một xu trợ cấp nào hết. Còn thợ có việc làm lại bị đế quốc và tư bản bản xứ đối đãi một cách hết sức dã man, tàn nhẫn. Giờ làm việc thì tăng và bắt thợ làm nỗ lực thêm mà tiền công lại bớt đến hai phần ba”.

Tiền lương của công nhân Việt Nam thấp hơn lương công nhân người Pháp rất nhiều. Theo thống kê của nhà kinh tế học người Pháp Paul Bernard thì tiền lương trung bình của công nhân Việt Nam trong những năm 30 của thế kỷ XX là 30 đồng hay 400 Phơ-răng, trong khi đó lương của công nhân Pháp là 6.200 Phơ-răng, của công nhân Mỹ là 12.500 Phơ-răng một năm.

Thu nhập của nông dân và những địa chủ nhỏ giảm đi đáng kể, cùng với sự giảm giá lúa gạo trên thị trường.

Về đời sống của dân cày nghèo, Nghị quyết của Đảng viết: “Quần chúng nhân dân nghèo ở Bắc kỳ bấy lâu nay vốn đã cực khổ lắm rồi... nay lại

bị kinh tế khủng hoảng nên cố nông không có việc làm, thất nghiệp, tình cảnh khốn quẫn mà không có một xu trợ cấp nào. Trung nông bị phá sản thành ra bần nông... bần nông phá sản thành ra cố nông. Sự phá sản của họ, một là vì thuế má nặng nề, hai là vì vay nợ nặng lãi, ba là vì do sản vật của họ làm ra như lúa gạo thì ngày càng hạ giá. Ví dụ trước kia 25 bơ hay 30 bơ bán được 1 đồng mà bây giờ 60 bơ mới bán được 1 đồng. Nông dân muốn trả được sưu thuế cho chính phủ thuộc địa thì phải bán gấp hai số hoa lợi trước, còn nhặng đồ của đế quốc bán thì cứ giữ nguyên giá... Điều khổ cực nhất là trong lúc khủng hoảng mà đế quốc cứ bắt dân mua rượu ti mỗi lít 0,25 đồng”. Sự suy giảm về thương mại và thất thu thuế do dân chúng nghèo đói làm cho ngân sách quốc gia ngày càng thiếu hụt, 1931 hụt 18 triệu, đầu năm 1932, sự thiếu hụt đã tăng lên 21 triệu .

Để bù đắp cho sự thiếu hụt của ngân sách, thực dân Pháp một mặt tăng thuế cũ, đặt thuế mới, mặt khác, chúng dùng các thủ đoạn về tài chính, ngân hàng để thu lợi, như tăng lãi suất ngân hàng. Năm 1931, lãi của ngân hàng Đông Dương là 3.355.000 đồng, đến năm 1933, tăng lên 9.415.000đồng .

Trong những năm khủng hoảng kinh tế, ở Việt Nam, thực dân Pháp đánh thêm nhiều loại thuế mới, bên cạnh việc tăng thuế cũ và vượt xa các thời kỳ trước . Nhiều nơi ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, thuế thu tăng 20% . Một suất

suu năm 1929 bằng giá 50 kg gạo, năm 1932 là 100kg và đến năm 1933 là 300kg.

Theo điều tra của Phòng Canh nông Bắc Kỳ trong tháng 5 năm 1934, đời sống nông dân ở các tỉnh Bắc Giang, Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình ... rất thấp . Mức thu nhập là 12 xu cho một gia đình 6 người trong một ngày. Người nông dân phải vay nợ của địa chủ với bất cứ tỉ lệ lãi suất nào, sau đó bán tất cả mọi thứ tài sản nghèo nàn có được, thậm chí bán cả con đi nộp sưu thuế và trả nợ.

P. Gourou, trong tác phẩm Nông dân châu thổ Bắc Kỳ viết: “ có thể coi như chắc chắn là người nông dân sống ở giới hạn của đói kém và nghèo khổ”.

Các tầng lớp lao động khác, như tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, cuộc sống cũng rất điều đứng. Địa chủ cũ cũng bị sa sút. Một số tư sản dân tộc bị phá sản, vỡ nợ, tài sản khánh kiệt.

Trong những năm 1929 – 1933, Tòa án thương mại Đông Dương đã xử 502 vụ khánh kiệt tài sản và 160 vụ phát mại tài sản ở Hà Nội, Hải phòng, Sài Gòn, Chợ Lớn .

Kết quả những chính sách của thực dân Pháp trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 khiến cho kinh tế Việt Nam càng phụ thuộc nặng nề

vào kinh tế chính quốc. Nó làm trầm trọng hơn tình trạng nghèo đói, thất nghiệp của công chức, công nhân, thợ thủ công, tiểu thương, điền chủ nhỏ người Việt. lúa gạo sụt giá, sưu thuế cao, lũ lụt, hạn hán, mất mùa, dịch bệnh đe dọa cuộc sống dân nghèo. Các tầng lớp khác trong xã hội cùng chung cảnh ngộ. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, nhất là mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân Việt Nam với đế quốc Pháp.

Từ đây, mở ra một thời đại mới, thời kì Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, lãnh đạo các lực lượng cách mạng Việt Nam, tiến công vào chủ nghĩa thực dân Pháp, nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

### **3. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và Cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh**

#### **3.1 Phong trào cách mạng trên toàn quốc (1930 -1931)**

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, đã tác động nề đến nền kinh tế Đông Dương. Nhiều nhà máy, xí nghiệp, đồn điền đã thu hẹp quy mô sản xuất. hàng vạn công nhân bị sa thải. Đời sống các tầng lớp nhân dân lao động vô cùng khó khăn. Thiên tai xảy ra nhiều nơi. Các cuộc bắt bớ , đàn áp của chính quyền thực dân diễn ra khắp toàn quốc.

Từ năm 1929, hàng nghìn vụ bắt bớ diễn ra ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2 - 1930), thực dân pháp đã thực hành hội đồng đề hình thường trực, đưa hàng loạt chiến sĩ yêu nước lên máy chém. Lòng căm thù bọn thực dân, đế quốc của tầng lớp nhân dân Việt Nam càng thêm sâu sắc. Trong khi đó, sự phát triển của cách mạng Trung Quốc, Ấn độ, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã có ảnh hưởng tích cực đối với phong trào cách mạng Việt nam.

Ngày 3 - 2 - 1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập sau khi hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam, lực lượng của Đảng càng mạnh. Đảng đã nhanh chóng tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Mở đầu là cuộc đấu tranh của nhân dân nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định, hãng dầu Socony Nhà Bè (Sài Gòn), đồn điền cao su Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một). Tiếp theo cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng(tháng 3 - 1930) là cuộc bãi công kéo dài ba tuần lễ của 4.000 công nhân nhà máy dệt Nam Định (tháng 4- 1930) và các cuộc bãi công của nhà máy đóng tàu Ba Son, nhà máy xe lửa Dĩ An, thợ mỏ Mông Dương, nhà máy Bến Thủy (4 - 1930). Những cuộc đấu tranh đó là những hoạt động mở đầu một cao trào cách mạng mới của nước ta. Ngoài các cuộc đấu tranh của công nhân, còn có những cuộc đấu tranh của nhân dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.

Nhân ngày 1 - 5 - 1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam phát động một phong trào đấu tranh rộng lớn, các tầng lớp nhân dân lao động trong cả nước hưởng ứng sôi nổi. Tại các thành phố lớn, như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn đều xuất hiện cờ Đảng, truyền đơn đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân, giảm sưu thuế cho nông dân.

Ở Bắc Kỳ, công nhân khu mỏ Hòn Gai bãi công, biểu tình. Lần đầu tiên cờ Đảng được treo lên đỉnh núi Bài Thơ.

Tại Thái Bình, nông dân hai huyện Duyên Hà, Tiên Hưng biểu tình, kéo về thị xã Thái Bình đòi bỏ sưu, giảm thuế, đòi trả tự do cho những người bị bắt. Cuộc biểu tình bị đàn áp dữ dội.

Ở Trung Kỳ, nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận nổi dậy đấu tranh. Ngày 1 – 5 - 1930, lần đầu tiên cờ đỏ búa liềm xuất hiện trong tỉnh Quảng Nam. Tại thị xã Hội An và các vùng nông thôn thuộc các huyện Duy Xuyên, Biên Bàn, Đại Lộc, Quế Sơn... đều có treo cờ đỏ búa liềm và rải truyền đơn.

Phong trào đấu tranh trong ngày 1 – 5 – 1930 diễn ra gay gắt ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Đặc biệt cuộc đấu tranh của nhân dân thành phố Vinh - Bến Thủy, của nhân dân các huyện Hưng Nguyên, Nghi Lộc (5

xã ven thành phố Vinh) mở đầu cuộc đấu tranh quyết liệt ở hai tỉnh trong những tháng sau. Họ đã biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm, bỏ sưu, giảm thuế, chống khủng bố, đòi bồi thường thiệt hại cho những gia đình bị đàn áp, tán sát trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy dệt Nam Định, ủng hộ Liên bang Xô viết. Chính quyền thực dân thẳng tay đàn áp. Công sứ Nghệ An cho 10 xe ô tô chở đầy lính và cảnh sát đến đàn áp, chúng đã cho binh lính bắn vào đoàn người biểu tình làm chết 7 người, bị thương 18 người và bắt đi 98 người. Quần chúng tiếp tục đấu tranh, tổ chức truy điệu những người đã hi sinh, tố cáo tội ác của đế quốc Pháp, đòi quyền dân sinh, dân chủ...

Ở Nam Kỳ, công nhân nhà máy điện Chợ Quán (Sài Gòn), công nhân nhà máy xe lửa Dĩ An bãi công. Khoảng 10.000 nông dân huyện Đức Hòa (Chợ Lớn), hơn 1.500 nông dân Cao Lãnh (Sa Đéc), 2.000 nông dân huyện Chợ Mới (Long Xuyên) và nông dân các tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre, Trà Vinh, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một biểu tình bỏ sưu, hoàn thuế.

Các cuộc đấu tranh ngày 1 – 5 là một bước ngoặt của cao trào cách mạng 1930 – 1931. Lần đầu tiên công nông nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, biểu tình ngày Quốc tế lao động. Trong phong trào đấu tranh đã biểu hiện rõ vai trò lãnh đạo và tính tiên phong của giai cấp công nhân, khối liên minh công nông. Mục tiêu các cuộc đấu tranh

không chỉ đòi quyền lợi cho mình mà còn thể hiện tính đoàn kết với nhân dân lao động thế giới.

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1930, cả nước đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh (Bắc Kỳ: 17, Trung Kỳ: 82, Nam Kỳ: 22). Trong đó có 22 cuộc đấu tranh của công nhân, 95 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lao động khác.

Ở Nam Kỳ, khắp nơi nhân dân nổi dậy: Vĩnh Long (2 – 6), Bà Hom (Chợ Lớn 3 - 6), Hóc Môn (Gia Định 4 – 6), Tân Lợi ( Tân An 4 – 6 ), Đức Hòa ( Chợ Lớn 4 - 6), Bến Lức ( Chợ Lớn 5 – 6 ). Phong trào lan ra Khánh Hòa với các cuộc biểu tình của nông dân Ninh Hòa , Tân Định ( 16 – 7 ) đòi giảm thuế .

Những ngày tháng 8 – 1930, khí thế của quần chúng được cổ vũ thêm bằng khẩu hiệu kỷ niệm ngày chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên bang Xô viết . Truyền đơn xuất hiện ở hầu hết các thành phố lớn trong cả nước, như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn . Các cuộc biểu tình được tiếp tục ở Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Long Xuyên ...

Tháng 10 – 1930, ở Quảng Ngãi, những cuộc biểu tình của nông dân liên tiếp nổ ra . Cũng thời gian này, những người Cộng sản ở Bắc Kỳ đã vận động một cuộc đấu tranh mới với khẩu hiệu phản đối Hội đồng đề hình cùng những án tử hình các chiến sĩ cách mạng . Truyền đơn, biểu ngữ,

cờ Đảng được treo và rải khắp nơi. Đồng thời là cuộc nổi dậy của quần chúng ở Đình Vụ ( Kiên An ), Tiến Hải ( Thái Bình ), ( 7 – 9 và 14 – 10), Phủ Lí ( 20 đến 25 – 10).

Trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, chiều ngày 6 – 11 – 1930 đã xuất hiện cờ đỏ ở nhà máy nước Hàng Đậu ( Hà Nội ), truyền đơn được rải khắp thành phố.

Bước sang năm 1931, do chính quyền thực dân khủng bố, phong trào giảm sút. Tuy vậy ở Nam Kỳ, phong trào vẫn tiếp tục sôi nổi. Suốt tháng 1 – 1931, công nhân hãng dầu Standard (Nhà Bè), công nhân nhà in Võ Văn Vân (Sài Gòn), công nhân ở Shell (Mỹ Tho), công nhân hãng FACM (Sài Gòn) đã tổ chức bãi công, biểu tình. Nông dân các Tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Thủ Dầu Một, Gia Định đòi cải thiện đời sông.

Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1931, các cuộc biểu tình của nông dân nổ ra ở Bạc Liêu, Bến Tre, Long Xuyên. Nhân ngày 1 – 5 – 1931, nông dân nổi dậy ở Thạnh Phúc (Bến Tre), Đức Hòa (Chợ Lớn), Châu Đốc. Công nhân Nhà Bè (Sài Gòn) vùng dậy trong hai ngày 16 và 24 - 3.

Vào tháng 4 và tháng 5 – 1931, phong trào đấu tranh ở Quảng Ngãi tiếp tục dâng cao. Nhân dân các tỉnh lân cận như Khánh Hòa, Bình Định cũng nổi dậy hưởng ứng.

Riêng ở Bắc Kỳ, từ đầu năm 1931, phong trào lắng dần. Nhưng đợt sóng dâng cao ở Hải Phòng, Hà Nội từ 23 đến 27 tháng 1 là những đợt đấu tranh cuối cùng trước khi thoái trào.

### 3.2 Phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh 1930 -1931 (Xô viết nghệ - Tĩnh )

Phong trào đấu tranh năm 1930 ở Nghệ - Tĩnh được mở đầu bằng cuộc biểu tình kỉ niệm ngày 1 – 5 tại khu vực Vinh – Bến Thủy. Công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi, nhà máy cưa, diêm, điện ở Vinh – Bến Thủy đã cùng với nông dân các huyện Hưng Nguyên, Nghi Lộc nổi dậy đấu tranh.

Trong bài “Nghệ - Tĩnh đỏ”, Nguyễn Ái Quốc viết: “Địa thế hai tỉnh nhiều rừng núi, đất đai cằn cỗi, nông giang chẳng có, ở đây thường xảy ra lụt, bão, do đó nhân dân đói khát và nơi ăn chốn ở rất khổ sở. Suu thuế nặng nề và nạn áp bức xã hội và chính trị làm cho cảnh ngộ của họ càng cùng cực hơn.

Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kì Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905 – 1925), Nghệ - Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ - Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình”.

Sau ngày 1 tháng 5 cho đến tháng 8 – 1930, phong trào đấu tranh trong cả nước tiếp tục được dâng cao. Công nhân khu công nghiệp Vinh – Bến Thủy tiếp tục đấu tranh. Ngày 9 – 5, công nhân nhà máy diêm bãi công. Ngày 12 – 5, công nhân nhà máy cưa, công nhân bóc vác Bến Thủy bãi công. Ngày 31 – 5, công nhân nhà máy điện phản công và được công nhân các nơi hưởng ứng, như công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi, công nhân bóc vác và phu xe thành phố Vinh... Phong trào lan rộng trong cả nước, chỉ trong tháng 5 – 1931 đã nổ ra 21 cuộc đấu tranh ở Bắc Kỳ, 12 cuộc ở Nam Kỳ. Trong đó có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Thực dân Pháp một mặt huy động thêm nhiều lính ở các nơi đến Nghệ - Tĩnh, tăng cường canh phòng, bắt bớ, tuyên truyền chống cộng sản, mặt khác chúng tìm cách hoà hoãn, xoa dịu phong trào bằng cách trả tự do cho một số người bị bắt, cải thiện một ít điều kiện lao động cho công nhân, hoãn thuế cho nông dân. Trước tình hình đó, Đảng kêu gọi quần chúng không vì một vài nhượng bộ trước mắt của kẻ thù mà lơ là cảnh giác, phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh, “theo gương hi sinh của dân cày Nghệ An”, ủng hộ công nông Nghệ An.

Sang tháng 6 phong trào đấu tranh tiếp tục phát triển. Ngày 27 – 6, các

Công hội đỏ đã tổ chức một cuộc biểu tình phối hợp của công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi, nhà máy diêm, nhà máy điện, nhà máy cưa đòi chủ nhà máy thực hiện các yêu cầu của công nhân.

Phong trào cách mạng tiếp tục phát triển và lan nhanh sang Hà Tĩnh. Trong nhiều cuộc biểu tình, các tên Tri phủ, Tri huyện phải ra đón tiếp và chấp nhận các yêu sách của nông dân.

Tháng 8 – 1930, phong trào đấu tranh phát triển mạnh ở cả thành phố và nông thôn. Nét nổi bật lúc này là có sự kết hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong đấu tranh của công nhân và nông dân ngày càng chặt chẽ, các khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế luôn gắn chặt với quyền lợi chính trị và những yêu sách về chính trị ngày càng rõ nét theo sự phát triển của phong trào.

Ngày 22 – 8, công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi, nhà máy diêm tiếp tục tổ chức tuần hành thị uy.

Ngày 25 – 8, công nhân nhà máy cưa đình công, hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy diêm.

Báo “Người lao khổ” (sau đổi tên là Lao khổ), cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung Kỳ, số 13, ngày 18 – 9 – 1930 viết: “Cuộc bãi công Bến

Thuỷ là một thời kì mới, thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến”.

Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Đảng đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình có vũ trang tự vệ, từ các làng mạc kéo đến huyện lỵ, tỉnh lỵ như Nam Đàn (6 - 8), Can Lộc (4 - 8), Thanh Chương (12 - 8), Nghi Lộc (29 - 8).

Từ cuối tháng 8 - 1930, các cuộc biểu tình của công nhân đã dẫn đến bạo lực và không thừa nhận chính quyền đế quốc, phong kiến.

Sang tháng 9 - 1930, phong trào đấu tranh lên đến đỉnh cao, đánh dấu bằng những cuộc đấu tranh quyết liệt và quy mô lớn của hàng chục vạn nông dân Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Đô Lương, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh.

Ngày 1 - 9 - 1930, 20.000 nông dân Thanh Chương biểu tình đòi bỏ thuế, giảm thuế, thả tù chính trị. Lính pháp bắn vào đoàn biểu tình nhưng quân chúng vẫn tiến vào huyện đường, thả tù nhân, đốt hồ sơ, sổ sách. Bọn hào lí địa phương bỏ chạy. Hầu hết các thôn, xã của huyện Thanh Chương trong tình trạng không chính quyền. Nhân dân xã Võ Liệt tự động đứng ra tổ chức điều hành các công việc trong xã.